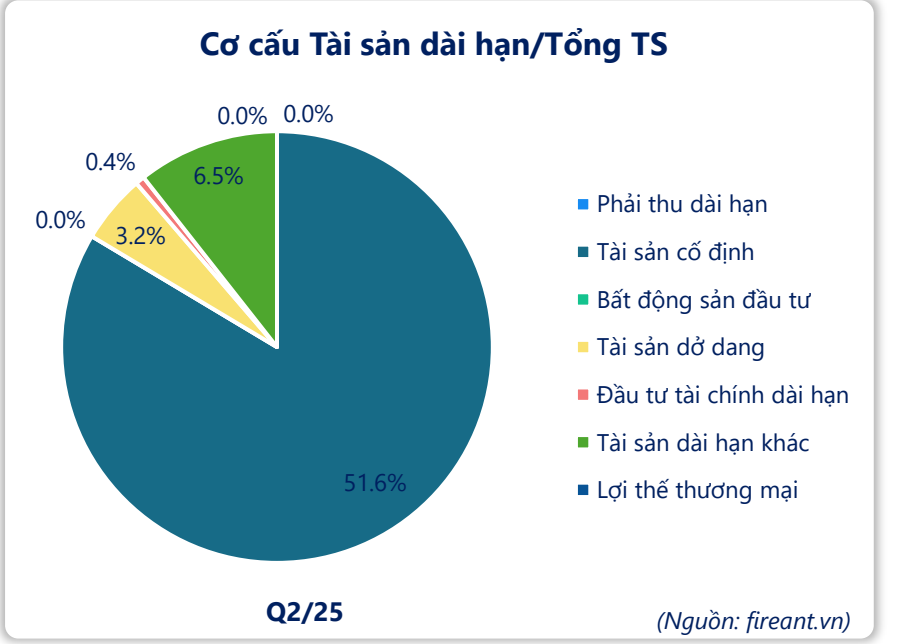
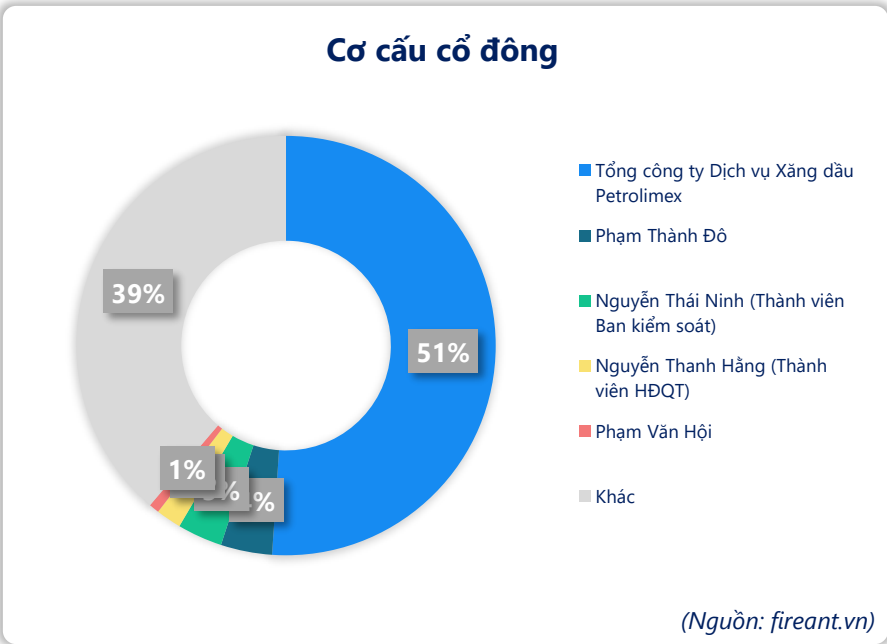
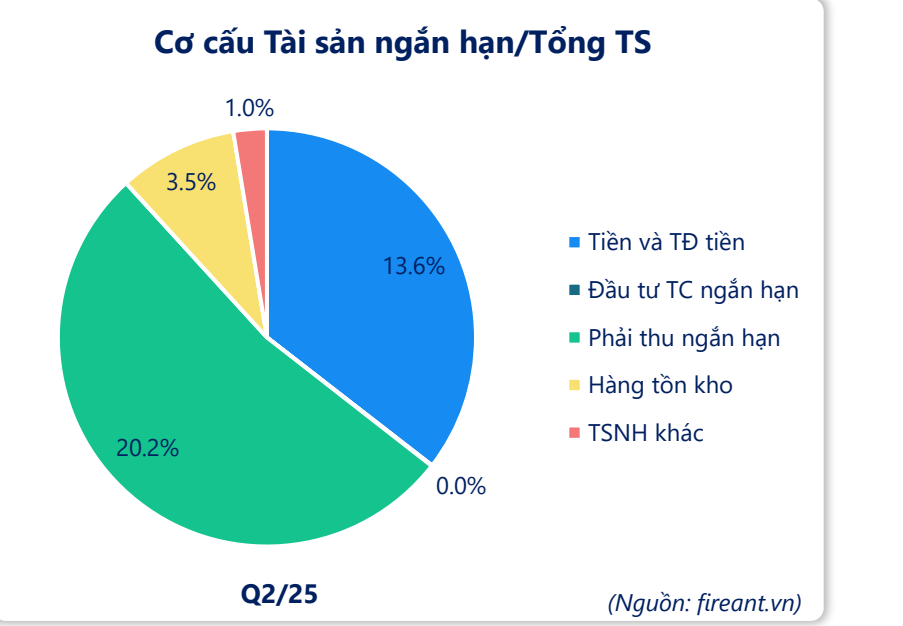
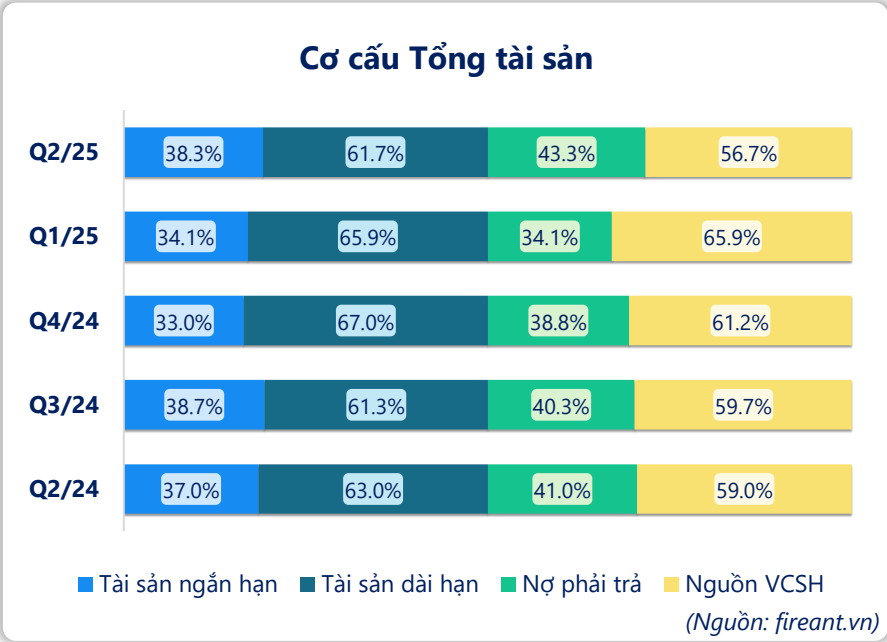
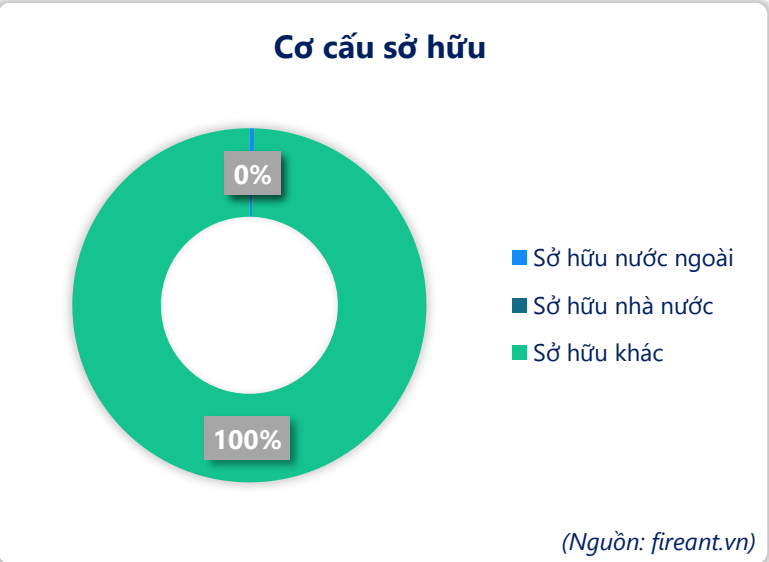
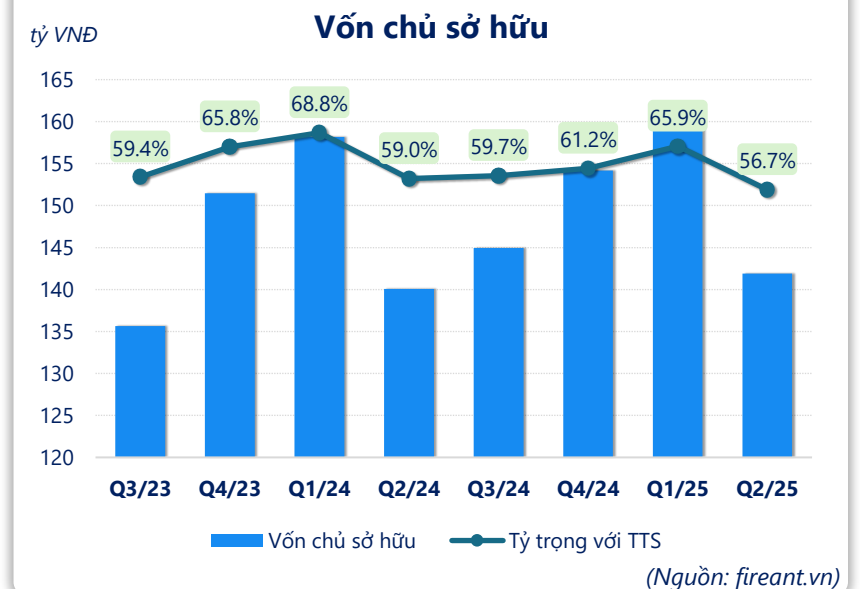
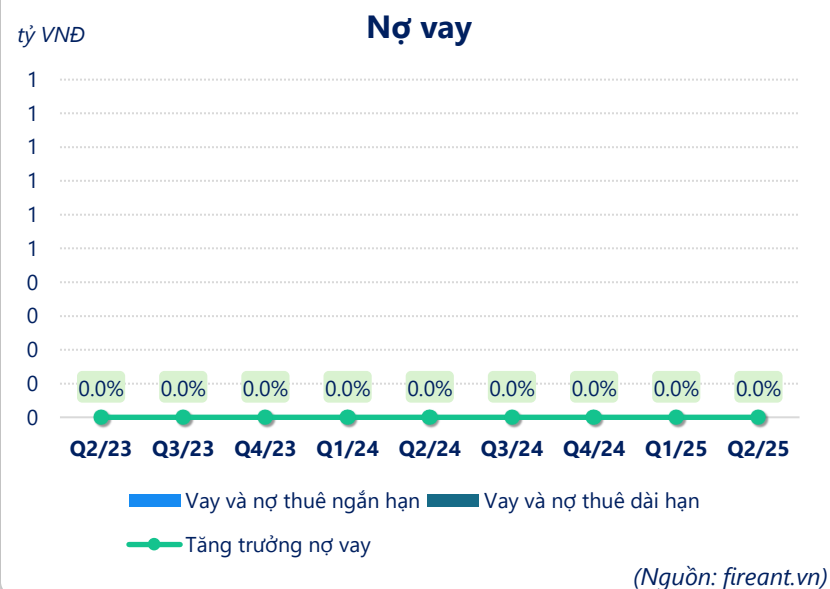
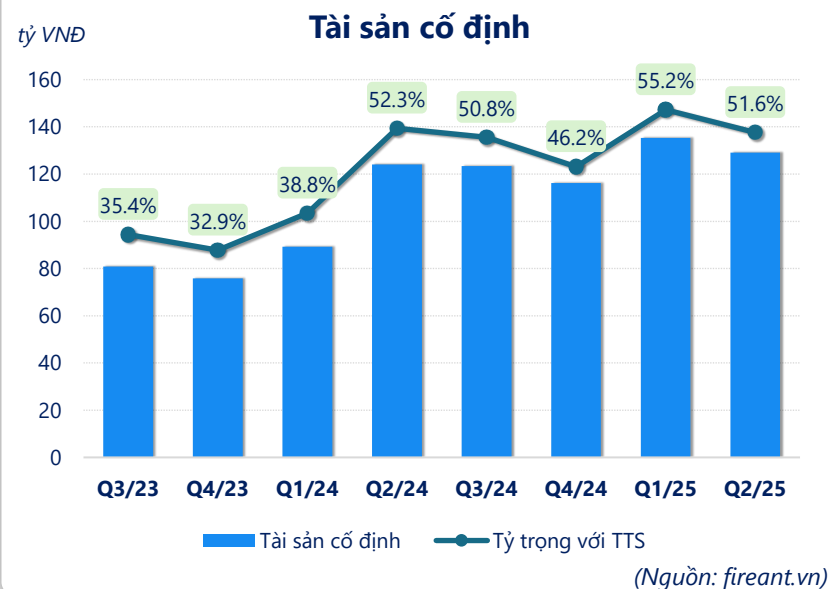
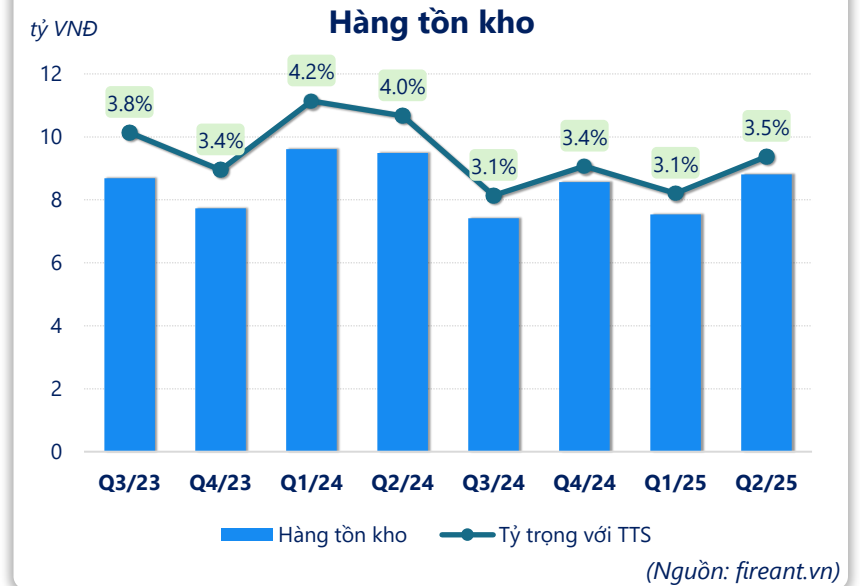
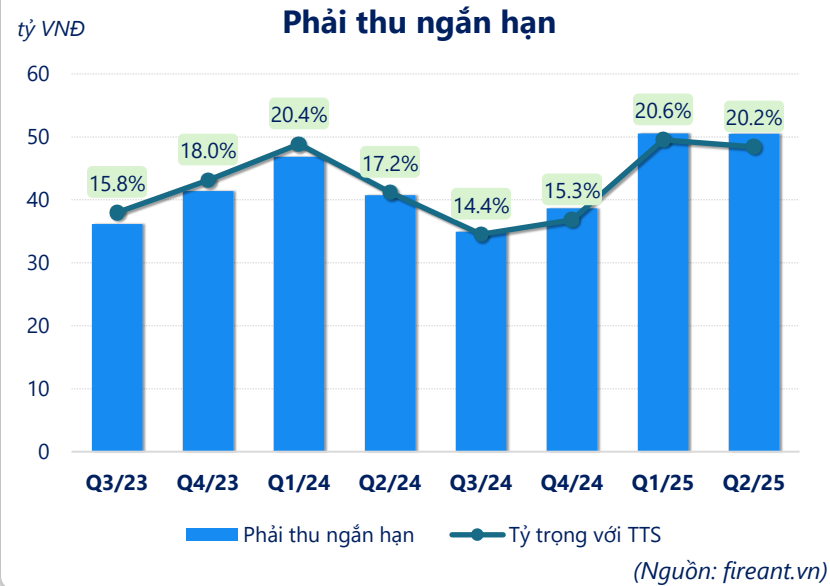
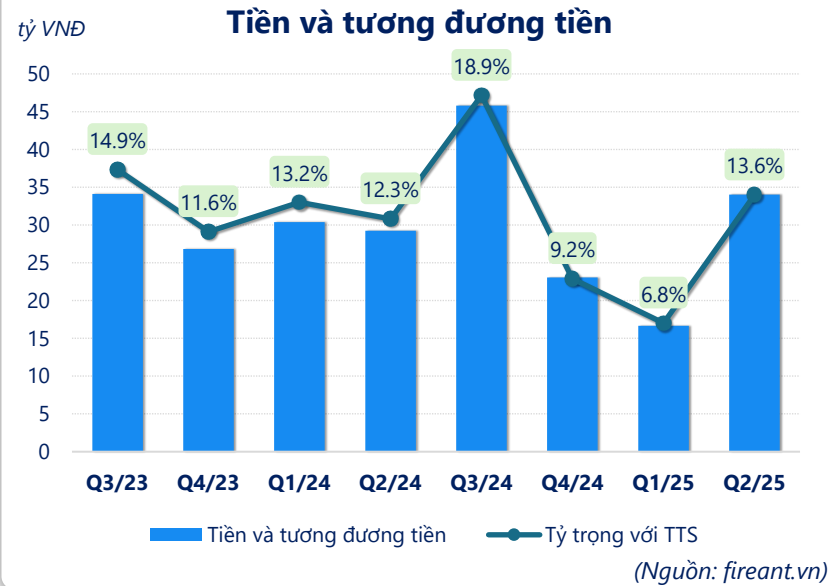
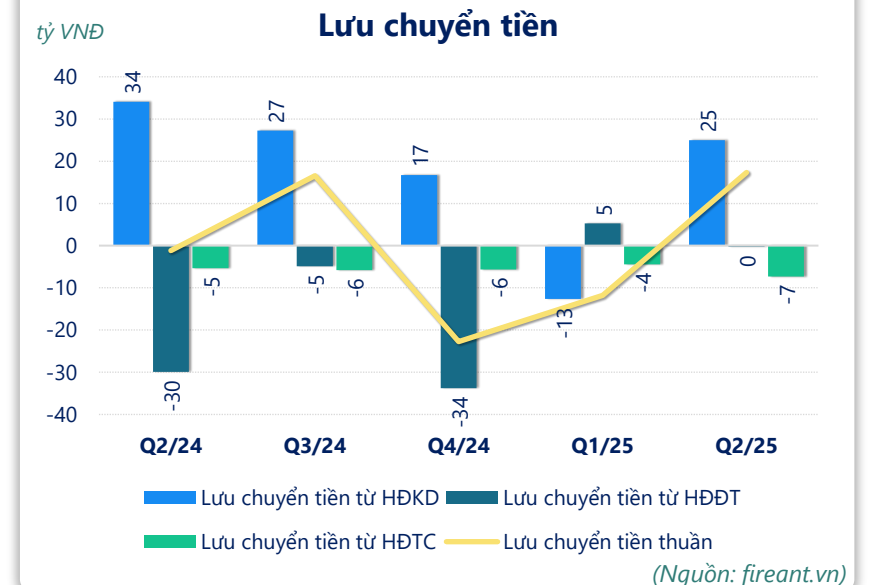
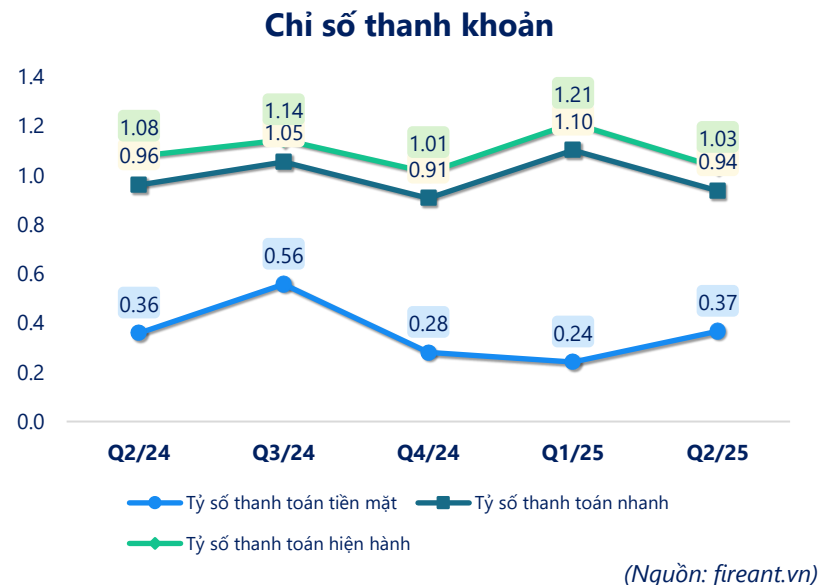
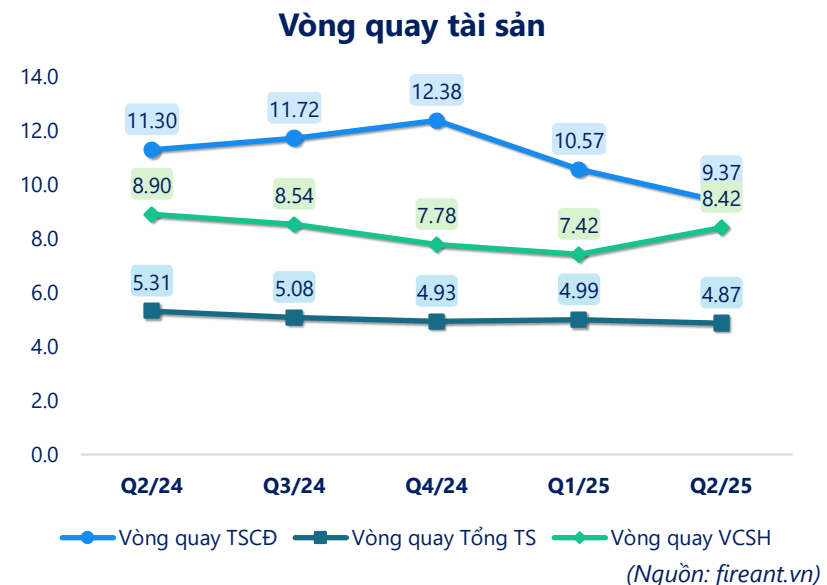
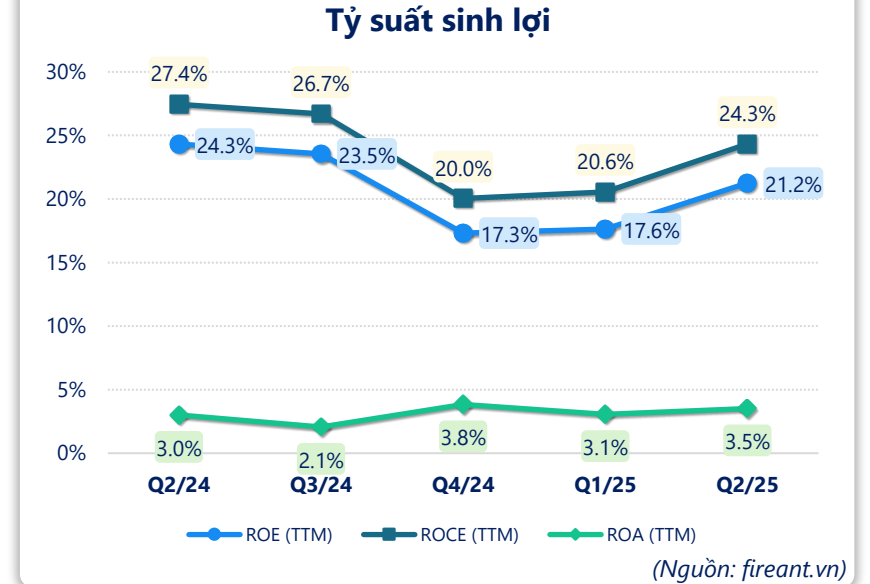
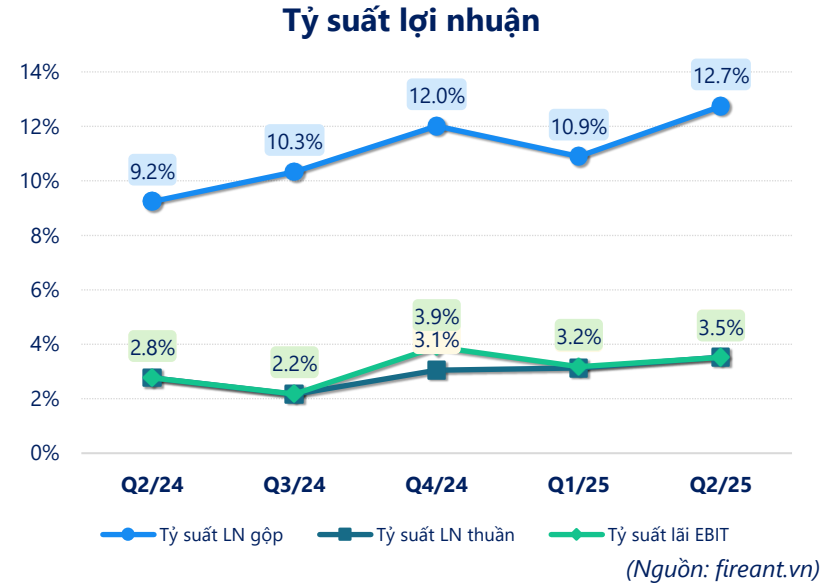
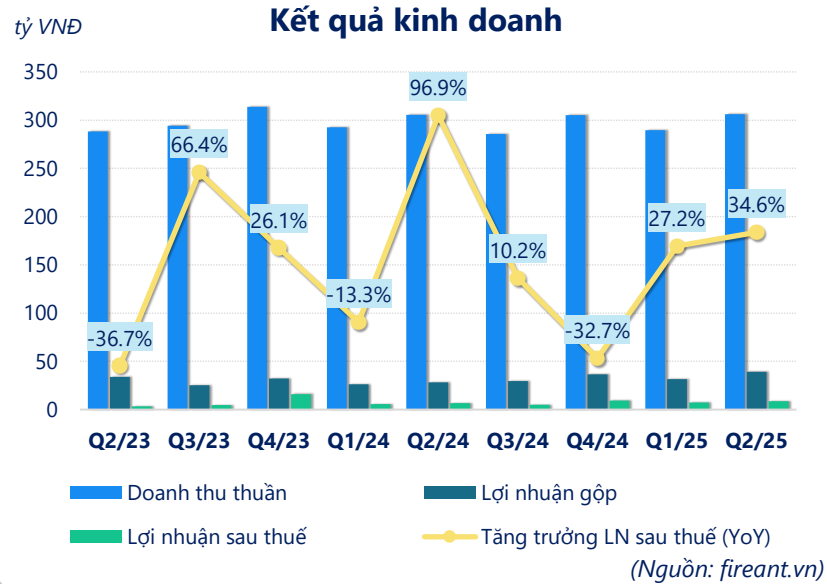


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,734
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,307
SL cổ phiếu LH		7,326,861
KLGD BQ 20 phiên (CP)		30
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		205
P/E		6.8
EPS		4,089

	YTD	1T	3T	6T
PJC	14.4%	12.0%	4.9%	14.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	250	252	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	95.8	83.1	15.3%
Tiền và tương đương tiền	34.0	23.1	47.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.05	10.4	-99.5%
Phải thu ngắn hạn	50.5	38.6	30.7%
Hàng tồn kho	8.80	8.56	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.48	2.43	1.9%
Tài sản dài hạn	154	169	-8.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	129	116	11.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.92	33.4	-76.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.06	1.12	-5.6%
Tài sản dài hạn khác	16.4	18.0	-8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	97.6	11.1%
Nợ ngắn hạn	92.9	82.2	12.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	28.0	17.0	64.7%
Nợ dài hạn	15.6	15.4	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	154	-8.0%
Vốn chủ sở hữu	142	154	-8.0%
Vốn điều lệ	73.3	73.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	306	285	305	290	306
Giá vốn hàng bán	277	256	269	258	267
Lợi nhuận gộp	28.2	29.5	36.7	31.6	39.0
Doanh thu HĐTC	0.07	0.09	0.15	0.02	0.05
Chi phí TC	0.14	0.22	0.26	0.22	0.21
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.40	6.94	8.46	6.97	7.88
Chi phí QLDN	13.3	16.2	18.8	15.3	20.2
LN thuần từ HĐKD	8.45	6.18	9.32	9.05	10.8
Lợi nhuận khác	0.00	0.03	2.60	0.16	-0.04
LN trước thuế	8.45	6.20	11.9	9.21	10.8
Lợi nhuận sau thuế	6.82	4.86	9.24	7.28	8.57
LNST của CĐ cty mẹ	6.82	4.86	9.24	7.28	8.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.1	27.2	16.7	-12.6	25.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.9	-4.92	-33.8	5.26	-0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.35	-5.77	-5.62	-4.43	-7.35
Tiền đầu kỳ	30.4	29.2	45.8	28.4	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	-1.14	16.6	-22.7	-11.8	17.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.2	45.8	23.1	16.7	34.0

(Nguồn: fireant.vn)